

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A- TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18/8/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A- TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Kia;
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2021 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Phan Thị N, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn A (trước đây là thôn A 1), xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*- Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn C (trước đây là thôn C 1), xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày:* Chị N và anh Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 11/7/2012. Bắt đầu từ năm 2018, khi chị N sinh con phải về nhà cha mẹ đẻ ở, anh C không lo làm ăn mà cờ bạc, nợ nần nhiều nơi dẫn đến phải bán nhà để trả nợ. Cuộc sống vợ chồng từ đó ngày càng phát sinh mâu thuẫn mà không thể hòa hợp được. Chị N và anh C không chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay, hiện nay vợ chồng cũng không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, do vậy chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về việc nuôi con: Chị N và anh C có 01 con chung là Nguyễn Bích Ngọc, sinh ngày 15/5/2018. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Atham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận cho chị Phan Thị N ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Giao cho chị N trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Bích Ngọc cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi và tự lập được. Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Phan Thị N yêu cầu ly hôn, có tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn C; địa chỉ: Thôn C 1, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị N và anh Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị N và anh C có phát sinh mâu thuẫn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C. Theo kết quả xác minh đối với Trưởng Thôn C, bà Đoàn Thị Phẩm là mẹ đẻ của anh C và bà Nguyễn Thị Liễu là mẹ đẻ chị N, thì vợ chồng chị N và anh C trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn và đã không chung sống cùng nhau từ năm 2018. Đối với anh C, nhiều lần Tòa án thông báo hòa giải nhưng anh C không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị N với anh Nguyễn Văn C.

[4] Về việc nuôi con: Chị N và anh C có 01 con chung là Nguyễn Bích Ngọc, sinh ngày 15/5/2018. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu Ngọc hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cho chị N trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Bích Ngọc, sinh ngày 15/5/2018, cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi và tự lập được.

Chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Phan Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị N cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chấp nhận chị Phan Thị N ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về việc nuôi con: Giao cho chị Phan Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Bích Ngọc, sinh ngày 15/5/2018, khi cháu Ngọc chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Phan Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009972 ngày 15 tháng 3 năm

2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 18/8/2021. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- UBND xã T, Tx. A (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Bích Thảo**